

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT THỊNH**

*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

Số. 0409 /Deloitte-AUDHCM-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần May Việt Thịnh**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần May Việt Thịnh (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28 tháng 3 năm 2013 từ trang 3 đến trang 21. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 2 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo được lập chỉ nhằm phản ánh tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày riêng cho Công ty, do đó các khoản đầu tư vào các công ty được hạch toán theo phương pháp giá gốc.



**Lê Đình Tứ**

**Phó Tổng Giám đốc**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website [www.deloitte.com/about](http://www.deloitte.com/about) để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

**Đặng Thị Lợi**

**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1529/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	MẪU SỐ B 01-DN	
			31/12/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>94.871.101.405</b>	<b>110.785.404.976</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>48.965.572.392</b>	<b>61.341.190.258</b>
1. Tiền	111		48.965.572.392	61.341.190.258
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>26.119.435.760</b>	<b>22.252.927.182</b>
1. Phải thu khách hàng	131		25.856.812.764	22.165.438.081
2. Trả trước cho người bán	132		252.082.350	47.507.835
3. Các khoản phải thu khác	135		10.540.646	39.981.266
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>19.786.093.253</b>	<b>27.081.287.536</b>
1. Hàng tồn kho	141		19.786.093.253	27.081.287.536
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	<b>110.000.000</b>
1. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	110.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>69.888.809.851</b>	<b>68.909.890.388</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>11.117.058.000</b>	<b>7.910.414.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218	7	11.117.058.000	7.910.414.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>35.625.656.070</b>	<b>36.112.801.108</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	35.532.070.877	35.955.737.511
- Nguyên giá	222		107.235.481.056	98.964.519.188
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.703.410.179)	(63.008.781.677)
2. Tài sản cố định vô hình	227		93.585.193	157.063.597
- Nguyên giá	228		445.714.910	445.714.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(352.129.717)	(288.651.313)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>23.146.095.781</b>	<b>24.886.675.280</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	9	10.000.000.000	10.000.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	10	14.620.570.000	16.297.320.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.474.474.219)	(1.410.644.720)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>164.759.911.256</b>	<b>179.695.295.364</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>90.773.773.647</b>	<b>99.774.014.865</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>90.751.230.757</b>	<b>98.221.569.457</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	600.000.000	6.853.279.584
2. Phải trả người bán	312		16.336.509.745	24.015.629.574
3. Người mua trả tiền trước	313		50.227.400	801.261.374
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	2.428.091.824	3.145.569.415
5. Phải trả người lao động	315		60.754.016.493	55.857.543.510
6. Chi phí phải trả	316		179.593.358	688.041.817
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		3.571.720.902	1.647.966.220
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.831.071.035	5.212.277.963
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>22.542.890</b>	<b>1.552.445.408</b>
1. Phải trả dài hạn cho người bán	331		724.710	724.710
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.529.902.518
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		21.818.180	21.818.180
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU(400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>73.986.137.609</b>	<b>79.921.280.499</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>13</b>	<b>73.986.137.609</b>	<b>79.921.280.499</b>
1. Vốn điều lệ	411		52.000.000.000	52.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.319.130.659	5.352.229.565
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		12.236.976.361	10.270.075.267
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.430.030.589	12.298.975.667
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>164.759.911.256</b>	<b>179.695.295.364</b>

*huat*

Phạm Thị Hà Thanh  
 Kế toán trưởng và Người lập biểu



Nguyễn Đình Chương  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 28 tháng 3 năm 2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 02-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu thuần	10		343.316.441.908	294.188.519.568
2. Giá vốn	11		280.935.576.162	229.961.883.527
3. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		62.380.865.746	64.226.636.041
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	2.699.235.827	7.084.648.408
5. Chi phí tài chính	22	16	1.121.192.531	2.643.144.610
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		627.154.591	511.914.910
6. Chi phí bán hàng	24		7.031.703.170	4.785.922.618
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		34.912.086.727	38.816.020.648
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		22.015.119.145	25.066.196.573
9. Thu nhập khác	31		1.059.587.803	2.081.140.620
10. Chi phí khác	32		-	35.224
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.059.587.803	2.081.105.396
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		23.074.706.948	27.147.301.969
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	17	(3.405.696.009)	(4.049.077.857)
14. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		19.669.010.939	23.098.224.112
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18	2.859	3.187

Phạm Thị Hà Thanh  
Kế toán trưởng và Người lập biểu



Nguyễn Đình Chương  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 3 năm 2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		2012	2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	23.074.706.948	27.147.301.969
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	10.061.346.408	8.905.494.435
Các khoản dự phòng	03	63.829.499	791.733.253
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	61.453.577	217.545.177
Lãi từ thanh lý tài sản cố định		(449.477.825)	(180.000.000)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.876.314.630)	(3.281.118.147)
Chi phí lãi vay	06	627.154.591	511.914.910
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	31.562.698.568	34.112.871.597
Thay đổi các khoản phải thu	09	(7.130.531.267)	(11.772.964.289)
Thay đổi hàng tồn kho	10	7.295.194.283	(12.780.596.523)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(5.400.302.646)	25.995.920.744
Tiền lãi vay đã trả	13	(641.259.781)	(493.917.276)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.461.619.473)	(3.193.246.033)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	210.000.000	115.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.285.360.757)	(6.290.435.280)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>18.148.818.927</b>	<b>25.692.632.940</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(10.048.263.758)	(12.413.719.739)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	449.477.825	180.000.000
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.082.800.000	11.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(406.050.000)	(12.500.000.000)
5. Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay và cổ tức được chia	27	1.916.295.896	3.429.322.902
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(6.005.740.037)</b>	<b>(10.304.396.837)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	30.374.711.289	28.135.602.783
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(36.627.990.873)	(21.782.323.199)
3. Cổ tức đã trả cho các cổ đông	36	(18.200.000.000)	(7.800.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(24.453.279.584)</b>	<b>(1.446.720.416)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(12.310.200.694)</b>	<b>13.941.515.687</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>61.341.190.258</b>	<b>47.687.939.992</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(65.417.172)	(288.265.421)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>48.965.572.392</b>	<b>61.341.190.258</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền dùng để mua tài sản cố định không bao gồm 55.004.310 đồng (2011: 529.066.698 đồng) là giá trị tài sản cố định mua sắm trong năm chưa thanh toán. Ngoài ra, cổ tức trả cho cổ đông trong năm không bao gồm 2.600.000.000 đồng (2011: 5.200.000.000 đồng) chưa được thanh toán tại thời điểm kết thúc niên độ. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



**Phạm Thị Hà Thanh**  
Kế toán trưởng và Người lập biểu



**Nguyễn Đình Chương**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 3 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**"MÃ SỐ B 09-DN"**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN CHUNG**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần May Việt Thịnh (gọi tắt là "Công ty") thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003031 ngày 7 tháng 1 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy phép điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ việc thực hiện cổ phần bầy xí nghiệp tại khu B thuộc Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến theo Quyết định số 144/2004/QĐ/BCN ngày 23 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Vốn điều lệ của Công ty là 26.000.000.000 đồng, trong đó cổ phần Nhà nước mà Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến làm đại diện chiếm 25%.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0303614739, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, số vốn điều lệ của Công ty là 52.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 2.314 người (năm 2011: 2.345 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là dệt may.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán sản phẩm dệt may (trừ tẩy nhuộm, hồ, in trên sản phẩm tại trụ sở); dịch vụ đào tạo cắt và may công nghiệp ngắn hạn; dịch vụ giặt, in, thêu, và sản xuất bao bì; sản xuất, mua bán nguyên phụ liệu ngành may (không tái chế phế thải nhựa, kim loại, giấy, luyện kim, đúc, gia công cơ khí).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Chính sách kế toán của các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày ở thuyết minh 4 bên dưới.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC ("Thông tư 179") quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.